

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/KDTM-ST

Ngày 06/8/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng thi công

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Minh Kiên

Ông Võ Thành Viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân QUẬN G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN G, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 06/8/2020, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2018/TLST-KDTM ngày 17/05/2018 về “Tranh chấp hợp đồng thi công” theo Quyết định tạm dừng phiên tòa số 104/2020/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 5 năm 2020 và Quyết định tạm dừng phiên tòa số 104/2020/QĐST-KDTM ngày 20 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đinh H; sinh năm 1958; địa chỉ: Số 82/24 đường T, khu phố H, phường P, quận C, TPHCM.

- Bị đơn: Công ty 6; Trụ sở: 13-15 đường N, Phường B, quận G. Người đại diện pháp luật của công ty: Ông Đặng D, sinh năm 1979; địa chỉ: Khối 9, thị trấn K, huyện R tỉnh N

Chi nhánh có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Công ty 6 - chi nhánh G; địa chỉ: Số 1 đường N, Phường B, quận G; người đại diện: Ông Nguyễn H; sinh năm 1960.

- Công ty 6 - chi nhánh M; người đại diện: Ông Nguyễn D; địa chỉ: Số 66/1

ấp L, Quốc lộ 22, xã Đ, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tại Phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn và các chi nhánh có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/04/2018, và trong quá trình xét xử nguyên đơn Ông Đinh H trình bày:

Tháng 8 năm 2006, ông H chuyển về công tác tại Công ty G(nay là Công ty 6), được bổ nhiệm là đội trưởng đội xây dựng số 2 trực thuộc Công ty 6, ông H làm chỉ huy trưởng công trình tại khu dân cư Gò Đen huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Đơn vị quản lý trực tiếp là chi nhánh G và chi nhánh M. Cuối năm 2011 đội xây dựng số 2, hoàn thành các hạng mục công trình, bàn giao cho chi nhánh G và chi nhánh M, đã nghiệm thu công trình và đưa vào hoạt động nhưng đến nay 02 chi nhánh trên không quyết toán công nợ trả cho Đội xây dựng số 2, cụ thể như sau:

Chi nhánh M, giao về cho Đội xây dựng số 2, thi công các hạng mục: Đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, nước thải khu 1; san lấp khu 2,3 và đường số 41. Giá trị quyết toán theo hợp đồng là 12.125.940.000 đồng, nhưng theo chứng từ do nhà cung cấp vật tư thay đổi nên giá chênh lệch là 14.385.758.063 đồng. Quá trình thi công đội xây dựng số 2 đã nhận tạm ứng là 10.670.901.103 đồng. Nên Công ty 6- chi nhánh Hóc Môn còn nợ đội xây dựng số 2 số tiền là 3.714.856.960 đồng (1).

Công ty 6 - chi nhánh G, giao về cho Đội xây dựng số 2 thi công các hạng mục khu 2, 3,4, đội xây dựng số 2 được quyết toán theo hợp đồng là 16.642.149.568 đồng. Giá trị đội xây dựng số 2 được hưởng là 14.186.342.130 đồng; số tiền đội đã tạm ứng là 12.221.056.787 đồng; tiền thuế VAT do đội được hưởng giá trị VAT 7/% là 992.763.949 đồng. Ngoài ra giá trị quyết toán sân chơi ngoài hợp đồng là 1.137.866.300 đồng, nhưng Công ty Địa ốc 6 đã tạm ứng cho đội xây dựng số 2 và chi trả khách hàng là 447.348.872 đồng. Nên đến nay Công ty 6-chi nhánh Gchưa quyết toán, thanh toán cho đội xây dựng số 2 là 3.644.566.720 đồng.(2)

Tại phiên tòa ông H yêu cầu Công ty 6 thanh toán số tiền (1)+(2) là 7.310.423.680 đồng, trừ thêm 49.000.000 đồng (theo quyết định hòa giải thành của Tòa án huyện Bến Lức, tỉnh Long An). ông H yêu cầu Công ty 6 thanh toán tiền nợ gốc trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Rút yêu cầu trả lãi trên số tiền nợ chậm thanh toán.

Bị đơn: Ngày 22/8/2018 ông Nguyễn D đại diện ủy quyền của Công ty 6 trình bày:

Chi nhánh G và chi nhánh M là 02 đơn vị trực thuộc của Công ty 6, giao 02 chi nhánh ký hợp đồng trực tiếp với Đội xây dựng số 2, do ông Đinh H là đội trưởng (gọi tắt là đội số 2). Trong quá trình đội số 2 thực hiện hợp đồng, 02 chi nhánh đã tạm ứng cho Đội số 2 theo tiến độ thi công và đến khi công trình hoàn thành, thì Đội số 2 phải làm hồ sơ quyết toán, được kiểm tra phê duyệt để làm cơ sở đối chiếu thanh toán công nợ.

Như vậy ngoài 02 chi nhánh trên, Đội số 2 còn thực hiện nhiều công trình khác của Công ty 6 giao, trong đó có những công trình ông Đinh H vẫn còn treo nợ với công ty. 02 chi nhánh đáp ứng cung cấp vật tư cho Đội số 2 đúng tiến độ nhưng đến nay Đội số 2 vẫn chưa tổng kết thống nhất phần cung cấp vật tư này. Theo ghi nhận của công ty và 02 chi nhánh hiện nay thì Đội số 2 vẫn còn nợ Công ty 6 số tiền là 2.098.141.200 đồng.

Tại biên bản đối chiếu công nợ và quyết toán ngày 8/6/2017, đội xây dựng số 2 đang nợ chi nhánh M số tiền là 863.685.000 đồng. Vì vậy ông Hidon phương yêu cầu công ty thanh toán số tiền nợ là không có cơ sở.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Công ty 6 và chi nhánh G, chi nhánh M đều vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ, đối chất chứng cứ, chứng minh và hòa giải vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G phát biểu ý kiến:

Về Tố tụng: Tòa án thực hiện đúng trình tự thủ tục theo BLTTDS.

Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ giải quyết trong vụ án giữa Ông Đinh H với Công ty 6 là tranh chấp hợp đồng thi công, bị đơn có trụ sở chính tại quận G, đến nay công ty chưa đăng ký giải thể. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là loại vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là Công ty 6 và các chi nhánh có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: Chi nhánh G và chi nhánh M, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Công ty 6 và chi nhánh G, chi nhánh M.

[3] Về yêu cầu đương sự:

Xét hợp đồng giao việc thi công số 16/2007/GV-XN, số 17/2007 GV-XN và số 18/2007/GV-XN cùng ngày 23/11/2007 thể hiện: Đơn vị giao thi công là xí nghiệp xây dựng và kinh doanh nhà G ký hợp đồng với đơn vị nhận thi công là Đội thi công số 2, thực hiện thi công xây dựng hệ thống thoát nước thải khu III thuộc khu dân cư Gò Đen, huyện Bến Lức, Long An, chủ đầu tư là Công ty G

Hợp đồng giao việc thi công số 05A/HĐ ngày 28/01/2007, số 36/HĐ/PTN ngày 24/4/2007 thể hiện: Xí nghiệp xây dựng và phát triển nhà M (nay là chi nhánh M), giao cho đơn vị nhận thi công là đội thi công số 2, thực hiện công trình san lấp mặt bằng cát khu II (khu chợ mới Gò Đen) tại xã Phước Lợi, huyện Bến Lức, Long An, các hạng mục công trình nêu trên do Công ty G là chủ đầu tư.

Ngày 21/07/2008, Công ty G thay đổi doanh nghiệp là Công ty 6, có mã số doanh nghiệp là 0300517173, đăng ký tại Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 06/11/2008 xí nghiệp xây dựng và kinh doanh nhà G, thay đổi là chi nhánh G ngày 15/10/2008. Xí nghiệp xây dựng và phát triển nhà M thay đổi là chi nhánh M và đăng ký tại Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, 02 chi nhánh trên hoạt động theo ủy quyền của Công ty 6.

Theo hợp đồng giao việc, Ông Đinh H giữ chức vụ là Đội trưởng đội thi công số 2 chỉ huy thi công các hạng mục như sau: Hệ thống thoát nước bản khu I; hệ thống thoát nước mặt khu I; hệ thống giao thông khu I; san nền bằng cát khu 2; san nền bằng cát khu 3; đường nội bộ khu III; hệ thống thoát nước mưa khu III; hệ thống thoát nước bản khu III; đường nội bộ khu 2; hệ thống thoát nước bản khu II; thoát nước mặt khu 2; đường nội bộ khu 4; hệ thống thoát nước bản khu 4; hệ thống thoát nước khu 4. Có trách nhiệm thi công đúng hợp đồng, hồ sơ đã được phê duyệt, cung cấp các loại vật tư, thiết bị theo đúng tiêu chuẩn chất lượng và giá trị hợp đồng tạm tính dựa trên giá trị xây lắp trước thuế của công trình và tỉ lệ khoán theo quy định; ngoài tỉ lệ khoán mà đội được hưởng, nếu hóa đơn vật tư có xác định giá trị thuế đầu vào của công trình được khấu trừ, thì giá trị khấu trừ này đội sẽ được hưởng (hợp đồng ký kết được thỏa thuận tại Điều II, phần 2.2 và Điều 6 phần 6.1 của hợp đồng số 054/HĐ và HĐ số 36/HĐ-PTN). Đồng thời tại Điều 6 của các hợp đồng giao việc số 16/2007, số 17/2007 và số 18/2007, thể hiện như sau: Giá trị hợp đồng cho toàn bộ gói thầu được khoán gọn theo giá dự toán được phê duyệt; giá trị thanh toán là giá trị khoán gọn nói trên (chưa bao gồm thuế GTGT); giá trị thanh toán chính thức sẽ căn cứ vào khối lượng nghiệm thu thực tế được Công ty G thông qua các cơ quan ban ngành chức năng kiểm tra phê duyệt. Khối lượng được nghiệm thu dựa vào khối lượng thực tế theo đúng quy định về quản lý chất lượng công trình. Khi có phát sinh ngoài dự toán hai bên sẽ bàn bạc

thảo luận lại, việc phát sinh này phải có biên bản xác nhận của đơn vị giao việc, đơn vị thi công, giám sát thi công và đơn vị thiết kế.

Nếu khối lượng công việc phát sinh không có đơn giá trong hợp đồng thì giá trị phát sinh được tính theo đơn giá tại địa phương nơi lắp đặt công trình, nếu không có đơn giá tại địa phương, hai bên thống nhất xây dựng mức giá mới và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Theo hợp đồng dự toán giá cát trong năm 2006 là 36.190 đồng/m³. Trong quá trình đội xây dựng số 2 thực hiện các hạng mục san lấp nền bằng cát giai đoạn I, khu II và khu III tại khu dân cư Gò Đen Bến Lức Long An các công trình tạm ngưng vì giá vật liệu tăng biến động tăng cao. Nên Công ty 6 yêu cầu chi nhánh M, chi nhánh G cùng với bên cung cấp vật tư là doanh nghiệp Phương Linh, thỏa thuận đơn giá cát và các bên thống nhất theo hợp đồng số 28/HĐ- TCXD ngày 12/4/2007, giá cát là 41.000đồng/m³, hợp đồng ngày 03/5/2008, số 20/HĐ-TCXD giá cát là 68.000đồng/m³ và hợp đồng ngày 21/8/2009, số 11/HĐMB giá cát là 80.000đồng/m³. Giao xuống cho đội xây dựng số 2, thực hiện bù giá thanh toán chênh lệch và thi công tiếp các hạng mục, công trình đã được bàn giao cho 02 chi nhánh trên đưa vào hoạt động, nhưng đến nay 02 chi nhánh không quyết toán công nợ, vi phạm nguyên tắc thanh toán được thỏa thuận Điều 7 của hợp đồng ký kết.

[1] Đối với Công ty 6 - chi nhánh M, ngày 08/6/2017 lập biên bản đối chiếu công nợ thể hiện: Theo đơn giá cát được điều chỉnh, thống nhất từ 03 bên và được quyết toán trên cơ sở khối lượng thực tế được hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm, nếu có) đã được nghiệm thu và đơn giá trong hợp đồng hoặc đơn giá đã điều chỉnh do trượt giá theo đúng các thỏa thuận trong hợp đồng. Nên chi nhánh M đề xuất giá trị Đội được thanh toán theo quyết toán và hợp đồng là 10.418.122.640 đồng là không phù hợp, so với giá trị vật tư theo hợp đồng với nhà cung cấp được 03 bên ký kết, do đó giá vật tư chênh lệch là 12.109.348.676 đồng là có cơ sở (1).

- Biên bản quyết toán xây lắp do chi nhánh M và Công ty 6 phê duyệt ngày 24/02/2010 về chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí trực tiếp, chi phí lán trại, quyết toán xây lắp sau thuế là 928.487.271 đồng (2). Nên giá trị quyết toán theo chứng cứ hóa đơn thực tế theo hợp đồng là (1)+(2) số tiền là 13.037.835.947 đồng (A). Do vậy ông Đình H yêu cầu giá trị quyết toán theo chứng cứ hóa đơn thực tế theo hợp đồng là 14.385.758.063 là không phù hợp chứng cứ.

Trong quá trình đội xây dựng số 2 thi công đã nhận tạm ứng số tiền là 8.485.901.103 đồng (a) và trả trực tiếp cho doanh nghiệp Phương Linh số tiền là 58.500.000 đồng (b); thanh toán tiền vật tư cho doanh nghiệp Phương Linh theo quyết định của Tòa án huyện Bến Lức số tiền là 2.049.978.600 đồng (c). Tổng số tiền Đội xây dựng số 2 đã nhận tạm ứng là (a)+(b) +(c) 10.594.379.703 đồng (B).

Đến nay Công ty 6 - chi nhánh M, chưa quyết toán công nợ cho đội xây dựng số 2 (A)-(B) số tiền là 2.443.456.244 đồng [I], vì vậy ông Đinh H yêu cầu số tiền là 3.714.856.960 là không chính xác.

[2] Đối với Công ty 6 - chi nhánh G, ngày 09/7/2017 lập biên bản đối chiếu công nợ thể hiện:

- Giá trị đội được thanh toán theo quyết toán và hợp đồng là 14.182.342.130 đồng (A);

- Đội xây dựng số 2 nhận tạm ứng thực tế là: 12.382.484.659 đồng (1), (gồm chi theo chứng từ chi tạm ứng là: 12.221.056.787 đồng, thanh toán cho nhà cung cấp vật tư là: 161.427.872 đồng). Tổng số tiền Công ty 6 thanh toán trả cho các nhà vật tư là 201.387.872 đồng (2), bao gồm (công ty Minh Khôi là 30.817.200 đồng, cơ sở gạch Đại Nam là 130.570.672 đồng, công ty Cường Phát là 40.000.000 đồng). Hiện Công ty 6 - chi nhánh G còn nợ đội xây dựng số 2 tiền thi công là (A) - {(1)- (2)} số tiền là 1.598.469.599 đồng (I).

Công ty 6 - chi nhánh G đồng ý hoàn thuế cho Đội 2 trên giá trị đội được thanh toán theo quyết toán và hợp đồng là 7% trên số tiền Đội số 2 được quyết toán là (A) nên số tiền hoàn thuế là 992.763.949 đồng (II).

Căn cứ chứng cứ biên bản quyết toán ngày 22/12/2009 của công ty 6 - chi nhánh G quyết toán sân chợ là 601.462.800 đồng(III), nhưng không thể hiện trong biên bản quyết toán ngày 09/7/2017 là không chính xác.

Đến nay Công ty 6 - chi nhánh G chưa thanh toán cho ông Đinh H số tiền (I)+(II) + (III) = 3.192.696.348 đồng [2]. Do vậy ông Đinh Văn Hiệp yêu cầu Công ty 6 - chi nhánh G thanh toán số tiền là 3.997.763.771 đồng là không chính xác.

Căn cứ Điều 144 của Luật xây dựng năm 2014 qui định “Bên giao thầu phải thanh toán đủ giá trị của từng lần thanh toán cho bên nhận thầu sau khi đã giảm trừ tiền tạm ứng, tiền bảo hành công trình theo thỏa thuận hợp đồng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác”. Vì vậy Công ty 6 phải thanh toán cho ông Đinh H số tiền là [1] + [2] = 5.636.152.592 đồng.

Xét thấy Ông Đinh H rút yêu cầu phạt tiền lãi chậm trả, nên Hội đồng đình chỉ đối với yêu cầu.

1. Về án phí:

Căn cứ quy định của Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án. Công ty Địa ốc 6 phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 144 của Luật xây dựng năm 2014.

Căn cứ Nghị định 48/2010 NĐ-CP ngày 07/5/2020 về việc hướng dẫn luật thi công, xây dựng.

Căn cứ Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc Công ty 6 trả cho ông Đình H số tiền 5.636.152.592 đồng, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu của ông Đình H về việc lãi xuất chậm trả.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, mà Công ty 6 không thi hành thanh toán khoản tiền nêu trên, thì còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi xuất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty 6 phải chịu án phí kinh doanh thương mại là 113.636.152.592 đồng. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Đình H được miễn nộp án phí.

Hoàn trả lại cho ông Đình H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 59.179.711 đồng theo biên lai thu số lai thu số 0029231 ngày 17/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Công ty 6, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.GV;
- THA DS QGV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thùy Trang